

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ**

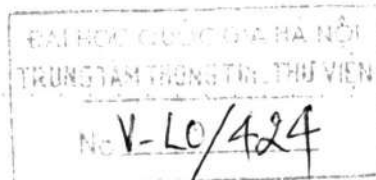
NGUYỄN ANH TUẤN

**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ
Ở HÀ NỘI - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**Chuyên ngành: Kinh tế chính trị XHCN
Mã số: 5.02.01**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHAN HUY ĐƯỜNG



Hà nội-2004

MỤC LỤC

<i>Mở đầu</i>	4
CHƯƠNG 1: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ- LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	
1.1 -Cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	8
1.11 <i>Một số lý thuyết về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế</i>	8
1.12 <i>Cơ cấu ngành kinh tế và những tư tưởng chủ yếu về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam</i>	14
1.13 <i>Tổng quan về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt nam từ 1990 đến nay</i>	22
2 -Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại một số thành phố ở Việt nam giai đoạn 2000-2003	25
1.21 <i>Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh.</i>	25
1.22 <i>Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Thành phố Hải Phòng</i>	30
1.23 <i>Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Thành phố Đà Nẵng</i>	33
1.24 <i>Bài học rút ra cho Hà Nội khi thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế</i>	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ Ở HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN 1990-2003	
2.1 Hà nội-những đặc điểm có tính chi phối sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	39
2.11 <i>Nhóm yếu tố tự nhiên</i>	39
2.12 <i>Nhóm yếu tố kinh tế-xã hội</i>	47
2.13 <i>Nhóm các yếu tố bên ngoài</i>	53
2.2 Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội trong thời gian qua	54
2.21 <i>Những thành công trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế</i>	54

3.2.2 Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại và
tài chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế
ở Hà nội

79

CHƯƠNG 3: CÁC QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ Ở HÀ NỘI

3.1 Những quan điểm cơ bản	84
3.2 Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	88
3.2.1 Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp	90
3.2.2 Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ	92
3.2.3 Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp	95
3.3 Một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội	95
3.3.1 Giải pháp về vốn	95
3.3.2 Giải pháp về con người-nguồn nhân lực	100
3.3.3 Khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sản xuất công nghiệp	102
3.3.4 Giải pháp về khoa học công nghệ và môi trường	105
3.3.5 Cải cách hành chính và một số giải pháp khác	109
KẾT LUẬN	111
Tài liệu tham khảo	113

MỞ ĐẦU

1-Tính cấp thiết của đề tài

Hà Nội là trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của đất nước, do có những đặc điểm như vậy, Hà Nội có một vị trí hết sức thuận lợi trong việc phát triển kinh tế. Những năm qua, thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước nói chung và của Hà Nội nói riêng về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, Hà Nội đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc phát triển kinh tế-xã hội, đời sống nhân dân được nâng cao, tỷ lệ thất nghiệp giảm, bộ mặt thành phố ngày càng khang trang hiện đại, xứng đáng là thủ đô của một nước Việt Nam đang trên đà phát triển. Có được những thành quả trên là do Hà Nội biết xác định một hướng đi đúng, phù hợp với xu thế phát triển chung của cả nước và quốc tế, xây dựng được một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và tận dụng được những lợi thế của riêng mình do đó phát huy được tiềm năng và sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn. Tuy nhiên, Hà Nội vẫn còn có những mặt yếu kém: Kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của thủ đô, vai trò trung tâm kinh tế của cả nước chưa nổi bật, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh còn thấp.

Do vậy, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành kinh tế là hết sức cấp bách, cơ cấu kinh tế mới phải cho phép phát huy lợi thế đặc biệt của Hà Nội, đưa Hà Nội lên ngang tầm với Thủ đô các nước phát triển và xứng đáng là Thủ đô của cả nước. Từ tính cấp thiết của vấn đề, tính đặc thù của Thủ đô Hà Nội cộng với nhiều sự biến động do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực gây ra, người viết đã lựa chọn đề tài: “Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà Nội” để nghiên cứu góp

phần thúc đẩy và hoàn thiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng hướng đã vạch ra tại thủ đô Hà nội.

2- Tình hình nghiên cứu

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một trong những vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, do tầm quan trọng của vấn đề, đã có nhiều công trình nghiên cứu của nhiều tác giả đề cập đến: *Xây dựng cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta* của Viện Kinh tế học [31], *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân* do GS.TS Ngô Đình Giao chủ biên [16], *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và phát triển các ngành trọng điểm, mũi nhọn* do PGS.TS Đỗ Hoài Nam chủ biên [22], *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới* do GS.TS Lê Du Phong và GS.TS Nguyễn Thành Độ đồng chủ biên [24], *Các nhân tố ảnh hưởng tới sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* do TS Bùi Tất Thắng chủ biên [27]. Bên cạnh các công trình kể trên, còn có một số luận án tiến sỹ, thạc sỹ đề cập đến các khía cạnh khác nhau của cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Các nghiên cứu đã chỉ ra về mặt lý luận và thực tiễn của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý cũng như kinh nghiệm của các quốc gia phát triển hoặc các quốc gia đã cơ bản hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa liên quan đến vấn đề này. Các tác giả cũng đã bàn các biện pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cũng như là các nguyên nhân làm chậm tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Đã có nhiều ý kiến hữu hiệu được đưa ra để củng cố lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cũng như là các tác nhân tác động đến quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Tất cả đều đã đóng góp tương đối hoàn chỉnh cho vấn đề này.

Tuy nhiên, các nghiên cứu có tính chất đầy đủ về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trên một địa bàn cụ thể như Hà nội chưa nhiều, vấn đề này chỉ được nhấn mạnh trong Nghị quyết 08-NQ/TW khóa V, Nghị quyết 15-NQ/TW khóa VIII của Bộ chính trị và trong các Chương trình Kinh tế của Thành ủy Hà nội các nhiệm kỳ, trên cơ sở các chủ trương và quyết sách lớn và trên một số bài báo chuyên ngành.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề trên là hết sức cần thiết và có ý nghĩa.

3-Mục đích nghiên cứu

Từ việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nói chung và phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội trong những năm qua, từ đó đưa ra các giải pháp xây dựng và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội.

4-Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

-Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp xây dựng và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

-Phạm vi nghiên cứu: Trong phạm vi đề tài này chỉ nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội.

-Phạm vi thời gian: Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội từ 1990 đến 2003 và định hướng chuyển dịch đến 2010.

5- Phương pháp nghiên cứu

Đề tài vận dụng các phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mac-Lênin và các phương pháp nghiên cứu khoa học khác như tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh vv...

6-Đóng góp của đề tài

-Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

-Phân tích và làm rõ được thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thủ đô Hà nội.

-Làm rõ những nhân tố tác động tới việc xây dựng một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội.

-Đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và thúc đẩy tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tại Hà nội.

CHƯƠNG 1

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1 Cơ cấu ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

1.1.1 Một số lý thuyết về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1.1.1.1 Cơ cấu kinh tế.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về cơ cấu kinh tế, sau đây là một vài ví dụ:

-Cơ cấu hay kết cấu là một phạm trù triết học, phản ánh cấu trúc bên trong của một đối tượng, là tập hợp những mối quan hệ cơ bản tương đối ổn định giữa các yếu tố cấu thành nên đối tượng đó, trong một thời gian nhất định.[17,tr.21]

-Cơ cấu kinh tế là một tổng thể hợp thành bởi nhiều yếu tố kinh tế của nền kinh tế quốc dân, giữa các yếu tố có những mối liên hệ hữu cơ, những tương tác qua lại cả về số lượng và chất lượng trong những không gian và điều kiện nhất định. [32, tr.14]

-Cơ cấu của nền kinh tế quốc dân là tổng thể những mối quan hệ giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế: các lĩnh vực (sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng) các ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), các thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, cá thể...) hay các vùng kinh tế. [17,tr21]

Khi phân tích quá trình phân công lao động xã hội, K. Marx nhấn mạnh: “Cơ cấu kinh tế của xã hội là toàn bộ những quan hệ sản xuất phù hợp với một quá trình phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất”[20,tr7]

Từ những sự phân tích trên, có thể hiểu khái quát về cơ cấu kinh tế như sau:

Cơ cấu kinh tế là một phạm trù kinh tế, là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về chất lượng và về số lượng tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế hoặc các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một hệ thống tái sản xuất xã hội với những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định, vào một khoảng thời gian nhất định.

1.1.1.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Khi xem xét khái niệm về cơ cấu kinh tế, chúng ta đã giả định cơ cấu kinh tế trong trạng thái tĩnh. Tuy nhiên trên thực tế, cơ cấu kinh tế của một nền kinh tế quốc dân hay của một khu vực luôn luôn vận động. Không cần có sự thúc đẩy của con người thì cơ cấu kinh tế cũng có sự dịch chuyển theo những quy luật nhất định. Sự tác động của con người là để thúc đẩy tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và theo hướng có lựa chọn từ trước nhằm đạt mục tiêu đã định.

Theo truyền thống, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra một cách tuần tự từ cơ cấu đơn giản đến cơ cấu kinh tế phức tạp hơn, từ cơ cấu kinh tế có trình độ thấp đến cơ cấu kinh tế có trình độ cao hơn, từ cơ cấu kinh tế tự cung tự cấp đến cơ cấu kinh tế của sản xuất hàng hoá vv...Tuy vậy, trong thời kỳ công nghiệp hoá, các nước có thể không đi theo con đường truyền thống tuần tự mà thực hiện những bước nhảy vọt, bỏ qua các giai đoạn thấp để chuyển lên các giai đoạn cao hơn. Điều kiện để thực hiện bước nhảy vọt là phải hội tụ đầy đủ các yếu tố về vốn, công nghệ, thị trường và lao động.

Như vậy, *chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi mối quan hệ về lượng và chất giữa các bộ phận cấu thành nên chỉnh thể nền kinh tế.* Quá trình này tuân

theo qui luật “lượng đổi thì chất đổi”. Mục tiêu của sự chuyển dịch là đạt được sự hài hoà, hợp lý giữa các bộ phận trong chỉnh thể thống nhất của nền kinh tế quốc dân hay của khu vực nào đó.

** Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung rất đa dạng và phong phú, có tác động phức tạp nhiều chiều. Có thể khái quát thành ba nhóm yếu tố.

Nhóm yếu tố thứ nhất:

Hay còn gọi là nhóm địa lý - tự nhiên như tài nguyên, khoáng sản, nguồn nước, năng lượng khí hậu...

Quá trình sản xuất chính là quá trình chiếm hữu tự nhiên, nên quá trình đó cũng luôn chịu sự ảnh hưởng của chính những điều kiện tự nhiên đó. Thiên nhiên là điều kiện chung cho sản xuất đồng thời như là những tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, ảnh hưởng của tự nhiên tới sản xuất và tiêu dùng qua đó tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tất yếu. Ngày nay, nền sản xuất hiện đại có thể giúp con người giảm bớt sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nhưng nền sản xuất xã hội thì vẫn gắn chặt vào điều kiện tự nhiên. Thực tế phát triển kinh tế trên thế giới đã cho thấy sự tồn tại mối quan hệ trực tiếp giữa điều kiện tự nhiên với phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, hơn nữa ở những nền sản xuất hiện đại, phát triển cao thì mức độ gắn bó với tự nhiên thông qua nguyên liệu, năng lượng, môi trường sinh thái càng cao.

Do mỗi quốc gia, mỗi vùng được hình thành và phát triển trong một không gian xác định khác nhau. Nếu ở vị trí thuận lợi, nền kinh tế có cơ hội hoà nhập

và giao lưu tốt với bên ngoài để tiếp thu vốn và công nghệ và ngược lại nếu có vị trí không thuận lợi việc thu hút vốn, công nghệ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Nhóm yếu tố thứ hai:

Là nhóm những yếu tố về kinh tế - xã hội bên trong của một nền kinh tế ảnh hưởng tới cơ cấu kinh tế.

Trước hết, phải nói đến nhu cầu xã hội, là động cơ tư tưởng, động cơ thúc đẩy bên trong của sản xuất. Nhu cầu của con người trong xã hội quy định các dạng hoạt động lao động của chính con người cũng như cơ cấu và kết quả của những hoạt động đó.

Trong sản xuất hàng hoá, nhu cầu xã hội được phản ánh thông qua thị trường, nhu cầu là một yếu tố chủ quan, nhưng khi được phản ánh thông qua thị trường nó trở thành đòi hỏi khách quan. Cơ cấu kinh tế phải thể hiện gián tiếp nhu cầu thị trường. Như vậy, thị trường đóng vai trò dẫn dắt sản xuất và điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Nhóm yếu tố thứ ba:

Gồm những yếu tố bên ngoài, đó là quan hệ kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế.

Tính đa dạng của nhu cầu và sự khác nhau trong điều kiện thuận lợi cho sản xuất ở các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau đòi hỏi phải có sự trao đổi kết quả hoạt động sản xuất với nhau tùy theo mức độ và phạm vi khác nhau.

Sự tham gia vào phân công lao động quốc tế dưới nhiều hình thức sẽ gia tăng sự thích ứng và phù hợp về cơ cấu của nền kinh tế với bên ngoài. Những quốc gia nhỏ có mức độ phụ thuộc bên ngoài về kinh tế lớn, do nhu cầu của cuộc

sống đa dạng nhưng khả năng đa dạng hoá sản xuất thì có hạn do vậy quan hệ kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành cơ cấu kinh tế nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

** Tính tất yếu khách quan của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Một cơ cấu kinh tế hợp lý phải phản ánh sự tác động và phù hợp với các quy luật phát triển khách quan.

Vai trò của yếu tố chủ quan là: thông qua nhận thức ngày càng sâu sắc những quy luật đó mà người ta phân tích, đánh giá những xu thế phát triển khác nhau, đôi khi còn mâu thuẫn nhau, để tìm ra những phương án thay đổi cơ cấu có hiệu lực cao nhất trong những điều kiện cụ thể của đất nước. Mọi ý định chủ quan, nóng vội hay bảo thủ trong việc tạo ra sự thay đổi cơ cấu thường dẫn đến những tai hoạ không nhỏ cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

Bản thân cơ cấu ngành kinh tế mang tính lịch sử và xã hội do vậy nó luôn biến động, gắn với sự phát triển không ngừng của chính bản thân các yếu tố cấu thành nên cơ cấu.

Mỗi một cơ cấu kinh tế đều mang tính lịch sử và xã hội nhất định. Nền kinh tế chỉ phát triển khi giữa những bộ phận của quá trình tái sản xuất xã hội xác lập được những quan hệ cân đối - những tỷ lệ của phân công lao động xã hội. Sự tồn tại yêu cầu chung về số lượng thì có thể chung cho mọi nền sản xuất, nhưng khác nhau về nguyên tắc chung trong nội dung, chất lượng, cách thức thực hiện những tỷ lệ đó. Sự khác nhau đó là do các quy luật kinh tế đặc thù của mỗi phương thức sản xuất, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất ấy quy định. Ngay trong các hình thái kinh tế - xã hội giống nhau tồn tại ở các nước khác nhau vẫn có sự khác nhau trong hình thành cơ cấu kinh tế, do điều kiện kinh tế - xã hội quy định. Vì vậy, cơ cấu kinh tế luôn luôn biến động,

gắn với sự biến đổi, phát triển không ngừng của bản thân các yếu tố, bộ phận trong nền kinh tế và của những mối quan hệ giữa chúng.

Để làm rõ tính tất yếu khách quan của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cần thiết phải xem xét thêm một số xu hướng chuyển dịch mang tính quy luật dưới đây:

- Xu hướng thứ nhất:

Cơ cấu kinh tế chuyển từ cơ cấu của nền kinh tế tự nhiên sang cơ cấu kinh tế của nền sản xuất hàng hoá. Một nền kinh tế có kết cấu giản đơn sang một nền kinh tế có mối liên kết phức tạp và ở trình độ cao hơn. Đây là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội ở trình độ cao. Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, tận dụng, khai thác lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng này đã được nhiều quốc gia chọn lựa.

-Xu hướng thứ hai:

Tỷ trọng giá trị sản xuất và lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng lên trong GDP, trong khi đó tỷ trọng giá trị sản xuất và lao động trong nông nghiệp giảm. Nguyên nhân là: Thứ nhất, khi thu nhập tăng, chi tiêu cho hàng hoá thiết yếu như lương thực giảm sẽ giảm trong tương quan với chi tiêu cho các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ. Do vậy, nhu cầu về sản phẩm công nghiệp và dịch vụ sẽ phát triển nhanh hơn nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp. Thứ hai, do đất canh tác có hạn và đặc tính sinh học của cây trồng vật nuôi nên nông nghiệp phát triển chậm hơn công nghiệp.

-Xu hướng thứ ba:

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá sản phẩm. Do thu nhập ngày càng cao và nhu cầu con người cũng theo đó mà tăng lên cộng thêm sự

xuất hiện của những nhu cầu mới ngày càng đa dạng và phong phú mà xã hội sẽ hình thành một cơ cấu kinh tế đa dạng để đáp ứng những nhu cầu đó. Quy luật thị trường và lợi ích là động lực tác động tới sản xuất, làm cho sản xuất phát triển theo hướng đa dạng hoá sản phẩm.

Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình khách quan và tất yếu, gắn với sự biến đổi không ngừng của các yếu tố, bộ phận và những quan hệ hợp thành nền kinh tế quốc dân.

1.1.2 Cơ cấu ngành kinh tế và những tư tưởng chủ yếu về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam

1.1.2.1 Cơ cấu ngành kinh tế và một số lý thuyết chủ yếu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**** Cơ cấu ngành kinh tế***

Cơ cấu ngành kinh tế cho biết, hiện đang có những ngành kinh tế nào tồn tại và mối quan hệ giữa chúng như thế nào trong nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu ngành kinh tế phản ánh rõ trình độ chuyên môn hoá và tập trung hoá sản xuất, trình độ phân công lao động và quy mô kinh tế.

Quá trình hình thành cơ cấu ngành kinh tế gắn liền với sự phân công lao động xã hội. Trải qua lịch sử phát triển lâu dài nền kinh tế đã hình thành các ngành: Công nghiệp-Nông nghiệp-Dịch vụ. Nền kinh tế tiếp tục phát triển, các ngành này lại chia thành những ngành hẹp hơn. Trình độ phân công lao động càng cao thì cơ cấu ngành càng sâu sắc và tỉ mỉ. Khi kinh tế chưa phát triển thì nông nghiệp là ngành sản xuất chủ yếu trong cơ cấu ngành kinh tế, sau này khi lực lượng sản xuất phát triển, phân công lao động diễn ra trên quy mô rộng lớn và ở trình độ cao thì công nghiệp và dịch vụ tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu ngành kinh tế và trở thành ngành sản xuất chủ yếu.

** Một số lý thuyết chủ yếu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Trong lịch sử phát triển lý luận kinh tế, cơ cấu kinh tế đã được nhiều học thuyết bàn tới ở mức độ và góc độ khác nhau. Ở đây tác giả xin được trình bày ngắn gọn một số tư tưởng chủ yếu làm cơ sở lý luận cho việc phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Hà nội.

Lý thuyết nhị nguyên.

Lewis là người đầu tiên đưa ra “mô hình kinh tế nhị nguyên”, mô hình kinh tế nhị nguyên có mấy điểm đáng lưu ý sau đây:

Theo Lewis, trong các nước có nền kinh tế chậm phát triển có hai khu vực song song tồn tại: Khu vực kinh tế truyền thống chủ yếu là nông nghiệp và khu vực kinh tế du nhập chủ yếu là sản xuất công nghiệp. Trong đó, khu vực nông nghiệp, nông thôn truyền thống chủ yếu sản xuất cho sự sinh tồn và không có tiết kiệm. Khu vực này ít có hoặc không có vốn tái sản xuất, công nghệ lạc hậu và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Khác với khu vực trên, khu vực kinh tế du nhập ở thành thị lấy công nghiệp làm nền tảng, có kỹ thuật tiên tiến, sản xuất quy mô lớn. Lewis cho rằng, chỉ cần ngành công nghiệp tăng tích lũy tư bản thì có thể thu hút được lao động dư thừa từ ngành nông nghiệp. Như vậy, theo Lewis ở các nước đang phát triển, công nghiệp là ngành chủ đạo của sự phát triển, phải chuyển khu vực kinh tế truyền thống sang khu vực hiện đại, việc chuyển lao động dư thừa từ nông nghiệp truyền thống sang ngành công nghiệp sẽ làm cho nền kinh tế tăng trưởng. Sự phát triển của ngành công nghiệp và sự dịch chuyển của lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp sẽ dẫn đến hình thành cơ cấu mới của nền kinh tế, trong đó ngành công nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất.

Trên cơ sở mô hình của Lewis, Feller và Ranis đã sửa lại, xây dựng thành mô hình nhị nguyên mới. Hai ông chia kết cấu nhị nguyên thành ba giai đoạn. Về cơ bản, giai đoạn một giống với mô hình Lewis, còn ở giai đoạn hai và ba, sản xuất nông nghiệp gia tăng, dần dần có sản xuất thặng dư có thể thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của các ngành phi nông nghiệp, đây là cơ sở để lao động nông nghiệp có thể chuyển dịch sang công nghiệp, tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết phát triển cân đối liên ngành

Ragnar Nurkse, Paul Rosenstein-Rodan là những người ủng hộ lý thuyết này, cho rằng: Các nước cần phải phát triển nhiều ngành công nghiệp đồng thời, nếu như họ muốn thành công để đạt được sự tăng trưởng thực chất. Quan điểm này dựa trên nhận thức về mối quan hệ cần thiết giữa các ngành công nghiệp với nhau và giữa công nghiệp với nông nghiệp để tránh những ách tắc, gián đoạn trong quá trình phát triển nền kinh tế. Đây được coi là cách duy nhất để tránh khỏi vòng luẩn quẩn của nghèo đói.

Lý thuyết về phát triển không cân bằng

Không tán đồng với lý thuyết cân đối, A. Hirschman cho rằng, phát triển cân bằng là hiện tượng chỉ có thể quan sát được khi phân tích ở trạng thái tĩnh, trừu tượng. Ông đưa ra quan điểm kết hợp. Quan điểm này cho rằng, các ngành công nghiệp có thể kết hợp với nhau theo hai cách: “sự kết hợp từ phía trước” và “sự kết hợp từ phía sau”. Điều đó có nghĩa là, việc xây dựng một nhà máy, một ngành công nghiệp sẽ tạo ra áp lực dẫn đến hình thành nhà máy mới, ngành công nghiệp mới, thậm chí là những ngành kinh tế mới. Một lập luận khác của A. Hirschman là, do nhiều nguyên nhân kinh tế không thể phát triển ở mọi nơi. Trong quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế thường tập trung ở gần điểm bắt đầu. Do vậy, trên thế giới hay trong một nước đều hình thành các “điểm tăng trưởng”, hay “cực tăng trưởng”. Ông phân biệt hai loại vùng: vùng phát triển,

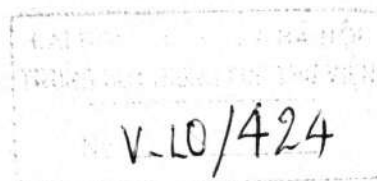
vùng lạc hậu và giữa vùng phát triển và vùng lạc hậu có sự tác động lẫn nhau. Vùng phát triển với tư cách là “cực tăng trưởng”, trở thành đầu tàu lôi kéo những vùng khác. Quan điểm này tương tự như quan điểm của Rostow về các khu vực dẫn dắt và khu vực kéo theo.

Tuy còn tồn tại một vài điểm cần được xem xét lại nhưng lý thuyết phát triển không cân đối của A. Hirschman có những đóng góp quan trọng cho việc phân tích cơ cấu kinh tế các nước đang phát triển. Tư tưởng cơ bản của A. Hirschman là tạo ra các “cực tăng trưởng” có ảnh hưởng mạnh tới các khu vực khác nhau của nền kinh tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế.

Trên đây là một số lý thuyết chủ yếu của hệ thống lý luận kinh tế hết sức đa dạng, phong phú. Do ra đời trong những bối cảnh lịch sử khác nhau và đứng trên nhiều góc độ, nhiều phương pháp tiếp cận nên đã tồn tại những quan điểm khác nhau về phát triển kinh tế và xác định cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết đều có những quan điểm lý luận mà chúng ta có thể khai thác vận dụng được. Thừa nhận không có một lý thuyết nào có thể giải quyết triệt để những vấn đề đặt ra của nền kinh tế thế giới, do đó việc vận dụng nhiều lý thuyết khác nhau để nghiên cứu là điều hiển nhiên. Từ việc khảo sát các lý thuyết phát triển có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Một là: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là vấn đề lý luận trung tâm thu hút sự chú ý của nhiều lý thuyết kinh tế. Nhiều nhà kinh tế coi điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế là vấn đề quan trọng trong phát triển kinh tế. Sự thay đổi cơ cấu có tác dụng thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh chóng thông qua hiệu ứng dây chuyền, dẫn tới sự ra đời và phát triển các sản phẩm mới, ngành nghề mới.

Hai là: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo quy luật tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và khu vực phi nông nghiệp khác, tỷ trọng nông nghiệp giảm dần trong thu nhập quốc dân. Tuy nhiên các nước khác nhau, các vùng khác nhau thì biểu hiện của quy luật này cũng khác nhau.



Ba là: Nông nghiệp được coi như là điểm xuất phát của sự điều chỉnh cơ cấu ở các nền kinh tế đang phát triển. Mặc dù nông nghiệp bị thu hẹp dần trong tiến trình phát triển nhưng các lý thuyết cũng cho rằng các nước không vì thế mà bỏ qua nông nghiệp. Sự biến đổi của cơ cấu nông nghiệp sẽ có ảnh hưởng nhất định đến cơ cấu chung của nền kinh tế đang phát triển.

Bốn là: Ngành công nghiệp chế biến đóng vai trò quan trọng là những “cực tăng trưởng” có khả năng liên kết các khu vực của nền kinh tế theo những phương diện khác nhau, tạo ra động lực tăng trưởng trong quá trình công nghiệp hoá. Vì vậy, trong chính sách cơ cấu thì chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến được các quốc gia hết sức lưu tâm

1.1.2.2 Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và những tư tưởng chủ yếu trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam

**Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế*

Từ những sự phân tích ở trên, ta có thể rút ra khái niệm về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế như sau:

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự thay đổi mối quan hệ về lượng và chất giữa các ngành hình thành GDP của một nền kinh tế quốc dân hay của một khu vực.

Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành được xem là yếu tố cốt yếu và lâu dài.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phải diễn ra một cách toàn diện, trong từng lĩnh vực, từng ngành nghề. Nội bộ từng ngành phải chuyển dịch theo

hướng làm thoả mãn nhu cầu thị trường, phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt còn phải tính đến yếu tố lâu dài và bền vững trước sự biến đổi trong tương lai.

Việc xác định một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau, nhằm phát huy một cách cao nhất lợi thế của nền kinh tế là vô cùng quan trọng, chỉ có vậy mới đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững cho các giai đoạn tiếp theo.

Nội dung quan trọng nhất của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là hướng tới một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý đã xác định. Trong quá trình đó, ngành công nghiệp và ngành dịch vụ sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế, nông nghiệp đảm bảo cho công nghiệp và dịch vụ phát triển bền vững, công nghiệp là đầu kéo của nền kinh tế, dịch vụ phát triển nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu ngày càng tăng của đời sống xã hội.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đối với nhịp độ và quy mô tăng trưởng kinh tế. Việc chuyển dịch và hình thành một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý tạo tiền đề vật chất cho việc tăng hiệu quả của sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Bản thân sự tăng trưởng của nền kinh tế do có một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý là điều kiện cần thiết cho việc hoàn thiện hơn nữa cơ cấu ngành kinh tế để phát triển bền vững trong tương lai.

Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế hướng tới một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý có tác động tới nền kinh tế trên những mặt sau:

-Tạo điều kiện để thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội đã được vạch ra trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia hay của một vùng kinh tế.

-Khai thác và phát huy tốt nhất, đạt hiệu quả sử dụng cao nhất những nguồn lực sẵn có và bên ngoài để thực hiện xây dựng và phát triển kinh tế. Đẩy nhanh

quá trình tái sản xuất mở rộng của nền kinh tế, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá đa dạng, đáp ứng nhu cầu của đời sống vật chất và văn hoá không ngừng tăng lên của người lao động và toàn xã hội.

-Tạo điều kiện thúc đẩy và mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong mối quan hệ sản xuất phù hợp.

**Tư tưởng chủ yếu trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*

Ở Việt Nam, trong chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2010, tại Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu: “Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô; cán cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên hai lần nhịp độ tăng GDP...” [14, tr.159-160]

Nhằm đảm bảo cho sự thành công của việc thực hiện các mục tiêu kinh tế đã đề ra, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt nam lần thứ IX cũng chỉ rõ là đến năm 2010: “...Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16,0-17,0%, công nghiệp 40,0-41,0%, dịch vụ 42,0-43,0%...” [14, tr 160].

Theo đó, trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành phải gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống, nâng cao giá trị và hiệu quả của xuất khẩu. Chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp, các vùng